

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 43/2005/QĐ-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua hầm đường bộ Hải Vân, quốc lộ 1A****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải tại Văn bản số 3125/GTVT-ĐBVN ngày 26/5/2005;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu mức thu phí qua hầm đường bộ Hải Vân, quốc lộ 1A.

Điều 2. Đối tượng áp dụng thu phí

qua hầm đường bộ Hải Vân, quốc lộ 1A thực hiện theo quy định tại Mục III, Phần I của Thông tư số 90/2004/TT-BTC ngày 07/9/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư 90/2004/TT-BTC).

Điều 3. Phí qua hầm đường bộ Hải Vân, quốc lộ 1A là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

1. Trích 20% (hai mươi phần trăm) tiền phí thu được để lại cho đơn vị thu phí để chi phí phục vụ việc thu phí và đầu tư hiện đại hóa công nghệ thu phí theo hướng dẫn tại điểm 4.1 và 4.2 Mục I Phần II của Thông tư 90/2004/TT-BTC;

2. Đơn vị thu phí đường bộ phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền còn lại (80% tiền phí thu được) theo quy định tại điểm 4.3 Mục I Phần II của Thông tư 90/2004/TT-BTC.

Điều 4. Đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí qua hầm đường bộ Hải Vân, quốc lộ 1A thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp phí, sử dụng chứng từ thu phí, thực hiện trách nhiệm của tổ chức thu phí theo đúng quy định tại Thông tư 90/2004/TT-BTC.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 6. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp phí, đơn vị được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ tổ chức thu phí qua hầm đường bộ Hải Vân, quốc lộ 1A và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG

Thứ trưởng

Trương Chí Trung

BIỂU MỨC THU PHÍ
QUA HẦM ĐƯỜNG BỘ HẢI VÂN, QUỐC LỘ 1A
(ban hành kèm theo Quyết định số 43/2005/QĐ-BTC
ngày 08/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Số thứ tự	Phương tiện chịu phí đường bộ	Mệnh giá		
		Vé lượt (đ/vé/lượt)	Vé tháng (đ/vé/tháng)	Vé quý (đ/vé/quý)
1	Xe lam, xe bông sen, xe công nông, máy kéo	6.000	180.000	450.000
2	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn và các loại buýt vận tải khách công cộng	15.000	450.000	1.200.000
3	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	25.000	700.000	1.800.000
4	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	35.000	1.000.000	2.700.000
5	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn và xe chở hàng bằng Container 20 fit	60.000	1.800.000	4.800.000
6	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên và xe chở hàng bằng Container 40 fit	120.000	3.600.000	9.700.000

Ghi chú:

- Tải trọng của từng loại phương tiện áp dụng mệnh giá trên là tải trọng theo thiết kế.

- Đối với việc áp dụng mức thu phí đối với xe chở hàng bằng Container (bao gồm cả đầu kéo móc chuyên dùng): áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế của xe, không phân biệt có chở hàng hay không chở hàng, kể cả trường hợp chở hàng bằng Container có tải trọng ít hơn tải trọng thiết kế vẫn áp dụng mức thu theo tải trọng thiết kế./.